

Số: 2890 /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2014.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với
Dự án Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 3 - đoạn tránh thị xã Bắc Kạn
(Km150 + 250 đến Km156 + 200 và Km 156 + 900 đến Km 160+ 00)
(Không bao gồm chi phí GPMB do hội đồng GPMB QL3 Bắc Kạn thực hiện)

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2635/QĐ-BGTVT ngày 16/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy trình thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Quyết định số 631/QĐ-BGTVT ngày 14/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 2635/QĐ-BGTVT ngày 16/11/2011;

Xét báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành và Tờ trình số 1241/BQLDA6-TCKT ngày 05/11/2013 của Ban QLDA 6 về việc xin phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành Dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 3, đoạn tránh thị xã Bắc Kạn; Báo cáo kiểm toán số 431/2013/BC.XD-AASC.DA năm 2013 của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC; Biên bản thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành ngày 18/7/2014 của Tổ công tác thẩm tra quyết toán Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành:

- Tên dự án: Dự án Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 3 - đoạn tránh thị xã Bắc Kạn (Km150 + 250 đến Km156 + 200 và Km 156 + 900 đến Km 160+ 00);
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án 5 (Nay là Ban Quản lý dự án 6);
- Địa điểm xây dựng: thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn;
- Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch vốn được giao.

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị: đồng

| Nguồn vốn | Được duyệt | Thực hiện |
|-------------------|------------------------|------------------------|
| Tổng cộng: | 155.046.186.439 | 137,655,345,404 |
| - Vốn NSNN | | 137,655,345,404 |

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị: đồng

| Nội dung | Dự toán | Giá trị được quyết toán |
|-------------------------------------|------------------------|-------------------------|
| Tổng cộng | 150,718,208,802 | 144.620.282.889 |
| - Xây lắp | 124,926,969,394 | 121.682.724.798 |
| - Chi phí khác | 7,255,461,434 | 5.950.172.042 |
| - Chi phí GPMB (phần ban thực hiện) | 18,535,777,974 | 16.987.386.049 |
| - Dự phòng | | |

(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo).

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị: đồng

| Nội dung | Công trình thuộc Chủ đầu tư quản lý | Công trình giao đơn vị khác quản lý |
|--------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| Tổng số: | | 144.620.282.889 |
| - Tài sản cố định | | 144.620.282.889 |
| - Tài sản lưu động | | |

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan:

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình hoàn thành là: 144.620.282.889 đồng.

- Xử lý các khoản công nợ là:

+ Tổng nợ phải thu là: 1.938.271.582 đồng;

+ Tổng nợ phải trả là: 8.903.209.068 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo)

- Lưu giữ đầy đủ các hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành theo quy định.

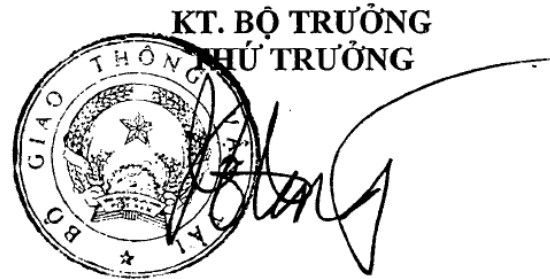
2. Trách nhiệm của Tổng cục Đường bộ Việt Nam:

Thực hiện hạch toán tăng tài sản, nguồn hình thành tài sản và quản lý tài sản theo quy định.

Điều 4. Vụ trưởng Vụ Tài chính, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Đầu tư, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng và Chất lượng công trình giao thông, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Tổng giám đốc Ban Quản lý dự án 6 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này././. 2)

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ KCHTGT;
- Kho bạc Nhà nước;
- Ban QLDA 6 (3 bản);
- UBND tỉnh Bắc Kạn;
- Lưu: VT, TC (Thái).



Nguyễn Hồng Trường

Phụ lục 01

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ THẨM TRA QUYẾT TOÁN

Dự án: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 3 đoạn tránh thị xã Bắc Kạn tỉnh Bắc Kạn

(Kèm theo Quyết định số 2890/QĐ-BGTVT ngày 31/07/2014 của Bộ GTVT)

Đơn vị tính: Đồng

| TT | Nội dung | Số thẩm tra |
|------------------|---|------------------------|
| I | CHI PHÍ XÂY LẬP | 121.682.724.798 |
| 1 | Gói thầu số 01 | 39.068.538.000 |
| 2 | Gói thầu số 02 | 29.548.420.414 |
| 3 | Gói thầu số 03 | 26.498.455.587 |
| 4 | Gói thầu số 04 | 26.567.310.797 |
| II | CHI PHÍ KHÁC | 5.950.172.042 |
| 1 | Chi phí khảo sát lập BCNCKT và chi phí thẩm định BCNCKT | 267.957.000 |
| 2 | Chi phí thẩm định BCNCKT | 15.732.000 |
| 3 | Khảo sát TKKT và lập HSMT | 997.911.194 |
| 4 | Khảo sát thiết kế bước TKKT, lập HSMT hệ thống thoát nước khu vực phía Nam thị xã Bắc Kạn | 236.080.000 |
| 5 | Chi phí thẩm tra TKKT + DT | 58.842.554 |
| 6 | Lệ phí thẩm định | 17.340.497 |
| 7 | Tư vấn giám sát | 1.345.601.797 |
| 8 | Chi phí Ban QLDA | 2.318.698.000 |
| 9 | Chi phí Bảo hiểm | 312.416.000 |
| 10 | Chi phí kiểm định chất lượng | 57.094.000 |
| 11 | Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán | 88.552.000 |
| 12 | Chi phí kiểm toán | 233.947.000 |
| III | CHI PHÍ GPMB (phần ban QLDA 6 thực hiện) | 16.987.386.049 |
| IV | DỰ PHÒNG | - |
| TỔNG CỘNG | | 144.620.282.889 |

BẢNG TỔNG HỢP CÁC KHOẢN CÔNG NỢ**Dự án: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 3 đoạn tránh thị xã Bắc Kạn tỉnh Bắc Kạn***(Kèm theo Quyết định số 2890/QĐ-BGTVT ngày 31/10/2014 của Bộ GTVT)*

Đơn vị tính: Đồng

| TT | Nội dung | Giá trị quyết toán được phê duyệt | Giá trị đã thanh toán | Công nợ | |
|-----------|---|--------------------------------------|------------------------|----------------------|-------------------------------------|
| | | | | Phải trả | Phải thu (để lại quyết toán sau) |
| I | CHI PHÍ XÂY LẬP | 121.682.724.798 | 118.265.776.761 | 5.355.219.619 | 1.938.271.582 |
| 1 | Gói thầu số 01 - Tiêu dự án 1 | 39.068.538.000 | 39.003.091.300 | 65.446.700 | |
| 2 | Gói thầu số 02 - Tiêu dự án 1 | 29.548.420.414 | 31.000.043.000 | | 1.451.622.586 |
| 3 | Gói thầu số 03 - Tiêu dự án 1 | 26.498.455.587 | 21.208.682.668 | 5.289.772.919 | |
| 4 | Gói thầu số 04 - Tiêu dự án 1 | 26.567.310.797 | 27.053.959.793 | | 486.648.996 |
| II | CHI PHÍ KHÁC | 5.950.172.042 | 3.322.258.037 | 2.627.914.005 | - |
| 1 | Chi phí khảo sát lập BCNCKT và chi phí thẩm định BCNCKT | 267.957.000 | 267.957.000 | | |
| 2 | Chi phí thẩm định BCNCKT | 15.732.000 | 15.732.000 | | |
| 3 | Khảo sát TKKT và lập HSMT | 997.911.194 | 997.911.194 | - | |
| 4 | Khảo sát thiết kế bước TKKT, lập HSMT hệ thống thoát nước khu vực phía Nam thị xã Bắc Kạn | 236.080.000 | 236.080.000 | - | |
| 5 | Chi phí thẩm tra TKKT + DT | 58.842.554 | 58.842.554 | - | |
| 6 | Lệ phí thẩm định | 17.340.497 | 17.340.497 | - | |
| 5 | Tư vấn giám sát | 1.345.601.797 | 494.884.792 | 850.717.005 | |
| 6 | Chi phí Ban QLDA | 2.318.698.000 | 636.000.000 | 1.682.698.000 | |
| 7 | Chi phí Bảo hiểm | 312.416.000 | 312.416.000 | - | |
| 8 | Chi phí kiểm định chất lượng | 57.094.000 | 57.094.000 | - | |
| 9 | Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán | 88.552.000 | | 88.552.000 | |

| TT | Nội dung | Giá trị quyết toán được phê duyệt | Giá trị đã thanh toán | Công nợ | |
|------------------|---|--------------------------------------|------------------------|----------------------|-------------------------------------|
| | | | | Phải trả | Phải thu (để lại quyết toán sau) |
| 10 | Chi phí kiểm toán | 233.947.000 | 228.000.000 | 5.947.000 | |
| III | CHI PHÍ GPMB (phần ban QLDA 6 thực hiện) | 16.987.386.049 | 16.067.310.606 | 920.075.443 | |
| IV | DỰ PHÒNG | - | | | |
| TỔNG CỘNG | | 144.620.282.889 | 137.655.345.404 | 8.903.209.068 | 1.938.271.582 |

Ghi chú: Số liệu thanh toán lấy theo báo cáo của Ban QLDA 6